ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 22 /2021/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Công văn số 304/HĐND-TT ngày 05/8/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến ban hành Quyết định quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2454/SLĐTBXH-TTr ngày 26/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một

số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 làm những công việc sau:

a) Thu gom rác, phế liệu.

b) Bốc vác; vận chuyển hàng hoá bằng xe thô sơ, xe mô tô 2 bánh, xe xích lô, xe ba gác, xe đẩy tại các chợ, nhà ga, cảng sông, cảng biển, cảng hàng không, bến xe.

c) Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm), xe xích lô chở khách.

d) Bán lẻ xổ số lưu động; bán báo lưu động, đánh giày.

đ) Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khoẻ (xoa bóp y học, châm cứu), cơ sở làm đẹp (cắt tóc, gội đầu, nail).

e) Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định.

g) Lái xe ô tô dịch vụ; Phụ xe ô tô chở khách.

h) Thợ hồ, thợ xây.

i) Làm công việc thuộc một số dịch vụ không thiết yếu khác phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An, bao gồm: Quán bar, Karaoke, vũ trường, xông hơi, massage, spa, phòng tập gym, yoga, bi-a, dịch vụ trò chơi điện tử, điểm truy cập Internet...

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Điều kiện, nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

a) Làm một trong các công việc quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này bị mất việc làm trong thời gian thực hiện cách ly, giãn cách xã hội hoặc tạm dừng các hoạt động dịch vụ không thiết yếu theo văn bản của UBND tỉnh Nghệ An, UBND cấp huyện;

b) Đang cư trú hợp pháp theo quy định của Luật cư trú trong khu vực cách ly, giãn cách xã hội theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Riêng đối tượng làm việc thuộc một số dịch vụ không thiết yếu theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 Quyết định này được hỗ trợ trong phạm vi địa bàn phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lắp, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng dễ dàng tiếp cận chính sách. Đảm bảo nguồn lực thực hiện. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần bằng tiền mặt; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia. Trường hợp một đối tượng được thụ hưởng nhiều chính sách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động

gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định này thì được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

3. Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/lần hỗ trợ.

4. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021.

Điều 4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Người lao động gửi đơn đề nghị hỗ trợ đến Ban cán sự của xóm, khối, bản nơi có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú (*theo mẫu số 01 kèm theo*). Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của người lao động, Ban cán sự xóm, khối, bản rà soát, tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*theo mẫu số 02 kèm theo*).

2. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách do khối, xóm bản đề nghị, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức rà soát, tổng hợp danh sách; tổ chức niêm yết công khai danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ tại nhà văn hóa xóm, khối, bản, trụ sở UBND cấp xã trong 02 ngày làm việc. Sau 01 ngày kể từ ngày kết thúc việc niêm yết, UBND cấp xã lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ gửi UBND cấp huyện (*theo mẫu số 03 kèm theo*).

3. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (*theo mẫu số 04 kèm theo*) và tổng hợp số lượng người lao động đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu số 05 kèm theo*) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính.

5. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài chính, UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ.

7. Trong 05 ngày làm việc, sau khi có Quyết định hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả đầy đủ hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Báo cáo Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách quy định tại Quyết định này.

b) Tham mưu hướng dẫn việc cấp kinh phí hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ kịp thời theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền chính sách hỗ trợ theo Quyết định này đến tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan

Triển khai thực hiện Quyết định này trong phạm vi và nội dung nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do Sở, ban, ngành quản lý.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh và các tổ chức đoàn thể tham gia tuyên truyền, phổ biến, phối hợp triển khai và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ tại Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định này, chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, tổng hợp danh sách các đối tượng theo quy định để hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ công tác cấp xã; Ban cán sự xóm, khối, bản thành lập bộ phận công tác gồm đại diện Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện.

c) Định kỳ báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) kết quả thực hiện hỗ trợ trước ngày 20 hàng tháng.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; (B/c)
- Bộ Tài chính; (B/c)
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp; (B/c)
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; (B/c)
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, CVP VX UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Nghệ An, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Đình Long

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 02	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và các đối tượng đặc thù khác đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 03	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và các đối tượng đặc thù khác đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 04	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và các đối tượng đặc thù khác đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 05	Tổng hợp số lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm và các đối tượng đặc thù khácđề nghị hỗ trợ

Mẫu số01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ và tên: .....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

2. Dân tộc: .... Giới tính: .....

3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: ...../...../. ..... Nơi cấp: .....

4. Nơi ở hiện tại:.....

Nơi thường trú: .....

Nơi tạm trú: .....

Điện thoại liên hệ: .....

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM TRƯỚC KHI BỊMẤT VIỆC LÀM

1. Công việc chính[1]:

☐ Thu gom rác, phế liệu

☐Bốc vác; vận chuyển hàng hoá bằng xe thô sơ, xe mô tô 2 bánh, xe xích lô, xe ba gác, xe đẩy tại các chợ, nhà ga, cảng sông, cảng biển, cảng hàng không, bến xe.

☐ Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách

☐ Bán lẻ vé số lưu động

☐ Tự làm hoặc làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực: ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (massage, xoa bóp y học, châm cứu), cơ sở làm đẹp (cắt tóc, gội đầu, nail)

☐ Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có điểm cố định

☐ Phụ xe ô tô chở khách

☐ Bán báo lưu động, đánh giày

☐ Thợ hồ thợ xây

☐ Lái xe ô tô dịch vụ

☐ Làm công việc thuộc một số dịch vụ không thiết yếu phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An, bao gồm: Quán bar, Karaoke, vũ trường, xông hơi, massage, spa, phòng tập gym, yoga, bi-a, dịch vụ trò chơi điện tử, điểm truy cập internet.

2. Nơi làm việc trước khi nghỉ việc, mất việc làm[2]: .....

III. THỜI GIAN BỊ MẤT VIỆC LÀM

Tổng số …….. ngày.

Từ ngày… tháng … năm 2021 đến ngày… tháng … năm 2021

IV. CAM KẾT

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Vì vậy, Tôi xin đề nghị Ủy ban nhân dânxã/phường……xem xét, giải quyết hỗ trợtheo quy định tại Quyết định số …/2021/QĐ-UBND ngày … tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản (Tên tài khoản:…… Số tài khoản:……Ngân hàng: …….)

☐ Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

☐ Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

….ngày……tháng….năm 2021

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động
2. Ghi rõ địa chỉ, khu vực nơi làm việc (nếu làm việc tại các cơ sở, hộ kinh doanh thì ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở, hộ kinh doanh nơi làm việc).

Mẫu số 02

Tỉnh…….....
Huyện…....
Xã…….....
Thôn/xóm/khối……..

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ KHÁCĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Tên công việc chính	Thời gian mất việc làm			Ghi chú
						Từ ngày/ tháng	Đến ngày/ tháng	Tổng số ngày	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*12*
1									
2									
3									
…									
	Tổng cộng			-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP
(ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....
TRƯỞNG THÔN/KHỐI/XÓM
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

Tỉnh.....
Huyện.....
Xã.....

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ KHÁC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Tên công việc chính	Thời gian mất việc làm			Số tiền hỗ trợ (*đồng*)	Ghi chú
						Từ ngày/ tháng	Đến ngày/ tháng	Tổng số ngày		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=9*10*	*12*
1										
2										
3										
...										
	Tổng cộng			-	-	-	-	-		-

NGƯỜI LẬP
(ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....
UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh……
Huyện……

Mẫu số 04

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ KHÁC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Tên công việc chính	Thời gian mất việc làm			Số tiền hỗ trợ (*đồng*)	Ghi chú
						Từ ngày/ tháng	Đến ngày/ tháng	Tổng số ngày		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11=9*10*	*12*
1										
2										
3										
…										
	Tổng cộng			-	-	-	-	-		-

NGƯỜI LẬP
(ký, ghi rõ họ và tên)

…. ngày ….. tháng ….. năm……
UBND HUYỆN/TX/TP…
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 05

Tỉnh.....
Huyện.....

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG MẤT VIỆC LÀM VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ KHÁC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

TT	Xã/phường /thị trấn	Số lao động đề nghị hỗ trợ theo các nhóm ngành nghề												Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
		Tổng số	Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định	Thu gom rác, phế liệu	Bốc vác; vận chuyển hàng hoá	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm), xe xích lô chở khách	Bán lẻ xổ số lưu động	Tự làm hoặc làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực: ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (massage, xoa bóp y học, châm cứu), cơ sở làm đẹp (cắt tóc, gội đầu, nail)	Phụ xe chở khách	Bán báo lưu động, đánh giày	Lái xe ô tô dịch vụ	Thợ hồ thợ xây	Công việc thuộc một số dịch vụ không thiết yếu phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An,bao gồm: Quán bar, Karaoke, vũ trường, xông hơi, massage, spa, phòng tập gym, yoga, bi-a, dịch vụ trò chơi điện tử, điểm truy cập internet..		
1															
2															
3															
	Tổng cộng														

NGƯỜI LẬP
(ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....
UBND HUYỆN/TX/TP...
(Ký, đóng dấu)